

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	12 - 44

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 10 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/07/2025), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 579.640.610.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2025: 579.640.610.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: (84) 236.3696632
- Fax: (84) 236.3697222
- Email: dawaco.com.vn

3. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 02 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Ban Quản lý dự án Cấp nước Đà Nẵng	Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng Số 10 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp xây lắp Dawaco	Đà Nẵng

Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

4. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Chủ tịch	29/10/2021	
Ông Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch	29/10/2021	
Ông Hồ Minh Nam	Thành viên	29/10/2021	
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	29/10/2021	
Ông Phan Thịnh	Thành viên	01/05/2025	
Ông Lê Đức Quý	Thành viên	29/10/2021	01/05/2025

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	29/10/2021	
Bà Phạm Thị Quế Chi	Thành viên	29/10/2021	
Bà Tân Thị Miên Thảo	Thành viên	18/04/2025	
Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên	29/10/2021	18/04/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	14/12/2021	
Ông Phan Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	01/05/2025	
Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2021	01/05/2025
Ông Phạm Hồng Minh	Kế toán trưởng	01/05/2025	
Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng	29/10/2021	01/05/2025

6. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Hồ Minh Nam, Tổng Giám đốc Công ty, bổ nhiệm ngày 29/10/2021.

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (riêng) của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 08 đến trang 44.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



HỒ HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025



Số: 37/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 “Số liệu so sánh” trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, theo Công văn số 3415/UBND-STC của UBND thành phố Đà Nẵng ngày 25/06/2024 về việc điều chỉnh chi phí sử dụng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do ngân sách nhà nước đầu tư, các đơn vị đầu tư giao cho nhà nước quản lý mà Công ty đã tiếp nhận khai thác, sử dụng từ tháng 6/2015 đến 31/12/2023 được phân bổ trong năm 2023 và năm 2024. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh 16.514.316.432 đồng vào chi phí 6 tháng đầu năm 2024, nên nay Công ty điều chỉnh hồi tố cho đúng quy định. Ảnh hưởng số liệu điều chỉnh của các chỉ tiêu được trình bày lại tại thuyết minh VIII.3 - Số liệu so sánh trong thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm.

Kết luận của kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng – Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		568.878.320.530	506.150.753.680
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	59.229.923.238	50.896.601.474
111	1. Tiền		59.229.923.238	50.896.601.474
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		435.917.140.746	359.088.224.415
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	435.917.140.746	359.088.224.415
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.707.327.815	26.407.056.529
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	16.160.966.368	16.223.044.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.659.973.160	1.886.001.013
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	12.928.855.636	16.286.543.075
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(8.042.467.349)	(7.988.531.867)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	40.432.924.779	42.142.591.300
141	1. Hàng tồn kho		40.432.924.779	42.142.591.300
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.591.003.952	27.616.279.962
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12a	406.768.136	416.714.853
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.15	7.180.762.585	17.615.406.798
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	3.003.473.231	9.584.158.311
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.002.854.638.831	1.052.828.985.413
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		936.027.228.616	1.001.717.164.114
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	934.224.428.614	999.623.997.446
222	- Nguyên giá		2.548.966.460.737	2.570.222.202.095
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.614.742.032.123)	(1.570.598.204.649)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	1.802.800.002	2.093.166.668
228	- Nguyên giá		11.738.575.951	11.738.575.951
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.935.775.949)	(9.645.409.283)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		49.063.066.212	33.241.663.169
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	49.063.066.212	33.241.663.169
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	8.164.551.519	8.392.345.979
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.000.000.000	10.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.835.448.481)	(1.607.654.021)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.599.792.484	9.477.812.151
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12b	9.599.792.484	9.477.812.151
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.571.732.959.361	1.558.979.739.093

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		750.872.277.972	781.567.271.461
310	I. Nợ ngắn hạn		308.728.725.172	302.151.956.575
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	43.485.581.393	45.867.108.260
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	2.730.580.672	980.710.123
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	12.508.338.657	7.142.123.949
314	4. Phải trả người lao động	V.16	22.500.486.979	29.399.507.369
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	10.419.272.296	2.207.585.966
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	1.269.479.452	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	142.573.223.124	149.124.291.276
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	60.444.104.136	60.483.921.067
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	12.797.658.463	6.946.708.565
330	II. Nợ dài hạn		442.143.552.800	479.415.314.886
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	83.315.227.710	90.364.937.728
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	354.353.125.668	384.575.177.736
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		4.475.199.422	4.475.199.422
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		820.860.681.389	777.412.467.632
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	820.282.058.180	776.833.844.423
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.640.610.000	579.640.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.640.610.000	579.640.610.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.993.538.265	8.993.538.265
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		133.128.222.654	128.098.140.692
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.519.687.261	60.101.555.466
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		321.530.804	170.605.362
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		98.198.156.457	59.930.950.104
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		578.623.209	578.623.209
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		578.623.209	578.623.209
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.571.732.959.361	1.558.979.739.093

Người lập biểu

Thủy

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng

Minh

PHẠM HỒNG MINH



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám Đốc

HỒ MINH NAM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	362.586.282.859	309.181.439.901
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		362.586.282.859	309.181.439.901
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	209.594.493.473	194.225.387.068
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.991.789.386	114.956.052.833
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	11.394.176.442	13.162.827.780
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	12.444.459.006	14.946.959.433
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.216.664.546	14.946.959.433
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	20.509.553.994	18.822.209.972
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	23.783.096.809	21.940.979.522
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		107.648.856.019	72.408.731.686
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.680.839.060	1.605.951.183
32	12. Chi phí khác	VI.8	11.548.551	54
40	13. Lợi nhuận khác		1.669.290.509	1.605.951.129
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.318.146.528	74.014.682.815
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	11.119.990.071	7.595.358.091
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		98.198.156.457	66.419.324.724
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10		

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng



PHẠM HỒNG MINH



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám Đốc

HỒ MINH NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		109.318.146.528	74.014.682.815
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8, V.9	56.642.883.197	61.589.173.575
03	- Các khoản dự phòng	VI.4, VI.6	281.729.942	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3	-	(14.683.733)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.391.565.748)	(13.148.092.335)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	12.216.664.546	14.946.959.433
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		167.067.858.465	137.388.039.755
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.780.745.318	846.706.333
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.709.666.521	(1.701.481.809)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		3.336.629.615	(36.133.901.755)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(112.033.616)	(718.090.389)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.281.958.444)	(14.894.253.269)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.324.150.102)	(5.061.761.693)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		162.176.757.757	79.725.257.173
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21.213.912.609)	(15.698.217.937)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(313.678.878.435)	(157.968.871.765)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		236.849.962.104	168.705.964.120
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.036.104.646	11.661.838.638
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(83.006.724.294)	6.700.713.056
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(30.261.868.999)	(31.067.530.068)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(40.574.842.700)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(70.836.711.699)	(31.067.530.068)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		8.333.321.764	55.358.440.161
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		50.896.601.474	64.133.588.891
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.683.733
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		59.229.923.238	119.506.712.785

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG MINH



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám Đốc

HỒ MINH NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 10 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/07/2025), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thẩm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do sự tăng trưởng của sản lượng nước bán ra, cùng với việc điều chỉnh tăng giá nước sạch khoảng hơn 13% áp dụng từ 01/01/2025 dẫn đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 tăng hơn 17% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó giá vốn kỳ này chỉ tăng 7,9% so với kỳ trước nguyên nhân là do theo Quyết định 2967/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Công ty ghi nhận chi phí mua nước thô theo giá thực tế dẫn đến chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phí mua nước thô kỳ này thấp hơn so với kỳ trước. Từ đó dẫn đến lợi nhuận trước thuế cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 tăng hơn 33% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có 02 đơn vị trực thuộc và 01 công ty con. Thông tin khái quát về công ty con và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Ban Quản lý dự án Cấp nước Đà Nẵng	Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp xây lắp Dawaco	Số 10 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,0%	100,0%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 521 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2025 là 528 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2025, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	06 – 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 – 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 – 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	19.542.206	14.699.440
Tiền gửi ngân hàng	59.210.381.032	50.881.902.034
Cộng	59.229.923.238	50.896.601.474

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	435.917.140.746	359.088.224.415
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Đà Nẵng	131.000.000.000	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	100.000.000.000	130.000.000.000
- Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng	66.000.000.000	37.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Đà Nẵng	55.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	46.000.000.000	97.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - TTKD Thanh Khê	26.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đà Nẵng	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	5.917.140.746	5.787.283.615
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - CN Đà Nẵng	-	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	-	2.300.940.800
Cộng	435.917.140.746	359.088.224.415

Không có khoản tiền gửi ký cược, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	16.160.966.368	16.223.044.308
Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	4.090.711.000	4.129.593.002
Các đối tượng khác	12.070.255.368	12.093.451.306
Cộng	16.160.966.368	16.223.044.308

Tại ngày 30/06/2025, số dư nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán là 7.508.269.138 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.659.973.160	1.886.001.013
Công ty TNHH Giải Pháp và Kinh Doanh Công nghệ		
Thông Tin VisNam	314.880.000	314.880.000
Phan Hữu Luyện	185.000.001	185.000.001
Các đối tượng khác	1.160.093.159	1.386.121.012
Cộng	1.659.973.160	1.886.001.013

Tại ngày 30/06/2025, số dư nợ trả trước cho người bán ngắn hạn được xác định là nợ khó đòi là 944.052.313 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

5. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	12.928.855.636	-	16.286.543.075	-
Lãi dự thu	6.404.681.561	-	8.779.741.007	-
Tạm ứng	1.708.869.680	-	2.001.477.808	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	651.593.416	-	1.190.078.000	-
Phải thu khác	4.163.710.979	-	4.315.246.260	-
Cộng	12.928.855.636	-	16.286.543.075	-

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản đặt cọc hoàn trả mặt bằng thi công công trình theo giấy phép do sở GTVT Thành phố Đà Nẵng cấp phép cho thi công.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2025	01/01/2025
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.566.579.316	7.380.094.026
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	257.078.911	344.081.448
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	158.157.894	210.958.681
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	60.651.228	53.397.713
Cộng	8.042.467.349	7.988.531.867

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số đầu năm	7.988.531.867	7.932.157.338
Tăng trong kỳ	53.935.482	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	8.042.467.349	7.932.157.338

7. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.415.691.295	-	40.125.299.972	-
Công cụ, dụng cụ	363.097.262	-	363.155.106	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.654.136.222	-	1.654.136.222	-
Cộng	40.432.924.779	-	42.142.591.300	-

- Nguyên vật liệu là các loại vật liệu thuộc ngành nước như ống nước, đồng hồ, mặt bích, van nước, vòi nước, máy bơm, roăng cao su các loại, hóa chất xử lý nước...; các vật liệu dùng cho hoạt động xây lắp như sắt, thép, cát; nhiên liệu dùng cho xe máy như xăng, dầu, nhớt và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị chi phí các công trình xây dựng dở dang tại 30/06/2025 chưa được nghiệm thu thanh toán.
- Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2025.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	207.700.322.209	153.981.693.471	2.199.001.880.754	8.397.148.314	1.141.157.347	2.570.222.202.095
Tăng trong kỳ	1.224.189.194	110.612.549	4.026.798.732	30.909.091	-	5.392.509.566
+ Đ/tư XDCB hoàn thành	1.224.189.194	110.612.549	4.026.798.732	-	-	5.361.600.475
+ Mua sắm trong kỳ	-	-	-	30.909.091	-	30.909.091
Giảm trong kỳ	-	-	(26.648.250.924)	-	-	(26.648.250.924)
+ Bàn giao tài sản cho Nhà nước (*)	-	-	(26.576.233.000)	-	-	(26.576.233.000)
+ Giảm sau quyết toán	-	-	(9.511.298)	-	-	(9.511.298)
+ Giảm khác	-	-	(62.506.626)	-	-	(62.506.626)
Số cuối kỳ	208.924.511.403	154.092.306.020	2.176.380.428.562	8.428.057.405	1.141.157.347	2.548.966.460.737
Khấu hao						
Số đầu năm	163.479.403.286	100.158.460.969	1.299.570.572.011	6.771.767.824	618.000.559	1.570.598.204.649
Tăng trong kỳ	2.868.132.931	6.007.306.657	47.181.305.098	255.950.814	39.821.031	56.352.516.531
+ Khấu hao trong kỳ	2.868.132.931	6.007.306.657	47.181.305.098	255.950.814	39.821.031	56.352.516.531
Giảm trong kỳ	-	-	(12.208.689.057)	-	-	(12.208.689.057)
+ Bàn giao tài sản cho Nhà nước (*)	-	-	(12.147.382.431)	-	-	(12.147.382.431)
+ Giảm khác	-	-	(61.306.626)	-	-	(61.306.626)
Số cuối kỳ	166.347.536.217	106.165.767.626	1.334.543.188.052	7.027.718.638	657.821.590	1.614.742.032.123
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	44.220.918.923	53.823.232.502	899.431.308.743	1.625.380.490	523.156.788	999.623.997.446
Số cuối kỳ	42.576.975.186	47.926.538.394	841.837.240.510	1.400.338.767	483.335.757	934.224.428.614

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 1.202.126.651.208 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 30/06/2025 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025 là 722.655.504.680 đồng (xem thuyết minh số V.20).

(*) Theo quyết định số 341/QĐ-UBND của UBND TP Đà Nẵng ngày 24/01/2025 về việc bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch đã được khai thác, sử dụng từ sau thời điểm tháng 06/2015 cho Trung tâm Quản lý Hạ Tầng đô thị thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Website	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	150.000.000	54.000.000	11.534.575.951	11.738.575.951
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	150.000.000	54.000.000	11.534.575.951	11.738.575.951
Khấu hao				
Số đầu năm	31.250.000	54.000.000	9.560.159.283	9.645.409.283
Khấu hao trong kỳ	18.750.000	-	271.616.666	290.366.666
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	50.000.000	54.000.000	9.831.775.949	9.935.775.949
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	118.750.000	-	1.974.416.668	2.093.166.668
Số cuối kỳ	100.000.000	-	1.702.800.002	1.802.800.002

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 9.696.575.951 đồng.

Không có tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
Xây dựng cơ bản	49.063.066.212	33.241.663.169
- Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Đà Nẵng Giai đoạn 2012 - 2018	4.578.238.041	4.578.238.041
- Các công trình khác	44.484.828.171	28.663.425.128
Cộng	49.063.066.212	33.241.663.169

(*) Giá trị đầu tư tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 66.921.920 đồng (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	10.000.000.000	(1.835.448.481)	8.164.551.519	10.000.000.000	(1.607.654.021)	8.392.345.979
Công ty TNHH MTV Xây Lấp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10.000.000.000	(1.835.448.481)	8.164.551.519	10.000.000.000	(1.607.654.021)	8.392.345.979
Cộng	10.000.000.000	(1.835.448.481)	8.164.551.519	10.000.000.000	(1.607.654.021)	8.392.345.979

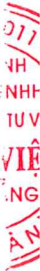
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn trên do chưa có thông tin về giá giao dịch, do đó Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đúng bằng giá trị ghi sổ trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của công ty trên.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của công ty được đầu tư.

Thông tin bổ sung

30/06/2025			01/01/2025		
Tình hình hoạt động			Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con					
Công ty TNHH MTV Xây Lấp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	Tạm ngừng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng số 09/NQ-HĐQT ngày 18/12/2024 đã thông qua chủ trương tạm ngừng hoạt động Công ty TNHH MTV Xây lắp cấp thoát nước Đà Nẵng lần 2. Ngày 21/12/2024, Sở kế hoạch đầu tư TP. Đà Nẵng đã xác nhận Công ty tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/01/2025 – 31/12/2025. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	188.629.216	-
Chi phí bảo hiểm	98.620.997	281.583.351
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	119.517.923	135.131.502
Cộng	406.768.136	416.714.853

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	416.714.853	241.579.478
Tăng trong kỳ	506.961.478	515.927.205
Phân bổ trong kỳ	(516.908.195)	(395.414.244)
Số dư cuối kỳ	406.768.136	362.092.439

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí lắp đặt ống nhánh	5.080.507.251	4.432.764.564
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	4.519.285.233	5.045.047.587
Cộng	9.599.792.484	9.477.812.151

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	9.477.812.151	8.814.528.172
Tăng trong kỳ	7.752.514.001	7.184.099.101
Phân bổ trong kỳ	(7.630.533.668)	(6.586.521.673)
Số dư cuối kỳ	9.599.792.484	9.412.105.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.424.691.672	3.424.691.672
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả người bán là các đối tượng khác	40.060.889.721	42.442.416.588
Trung tâm Quản lý hạ tầng đô thị thành phố Đà Nẵng	6.996.662.127	14.568.808.506
Công ty Cổ Phần Xây Dựng số 5	13.444.920.090	13.094.632.090
Các đối tượng khác	19.619.307.504	14.778.975.992
Cộng	43.485.581.393	45.867.108.260

Tại ngày 30/06/2025 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán. Phải trả người bán là các khoản mua vật tư, thiết bị dùng thi công các công trình của Công ty.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	2.730.580.672	980.710.123
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đại Nguyên Nam	1.700.000.000	-
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Đà Nẵng (*)	413.590.798	413.590.798
Công ty CP ĐTXD & Phát triển Hạ tầng Nam Việt Á (*)	258.860.783	258.860.783
Các đối tượng khác	358.129.091	308.258.542
Cộng	2.730.580.672	980.710.123

(*) Đây là các công trình thi công tuyến ống cấp nước đang vướng mặt bằng chưa thi công được.

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp		Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	17.615.406.798	-	13.899.640.092	3.464.995.879	7.180.762.585	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.506.517.762	-	11.119.990.071	-	-	3.613.472.310	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.077.640.549	-	1.372.548.243	2.298.380.925	3.003.473.231	-	-
Thuế tài nguyên	-	372.992.250	1.904.150.550	1.902.654.200	-	-	374.488.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.177.981.148	2.177.981.148	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	6.769.131.699	45.682.809.920	43.931.563.872	-	-	8.520.377.747
Cộng	27.199.565.109	7.142.123.949	76.170.120.024	53.788.576.024	10.184.235.816	12.508.338.657	

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa vì thỏa mãn các yêu cầu về danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm 10, Mục VI, Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Mục V, Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp theo quy hoạch tại quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND Thành phố Đà Nẵng.

Theo quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định “3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Theo đó Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.318.146.528	74.014.682.815
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	202.094.221	468.543.314
Điều chỉnh tăng	202.094.221	468.543.314
- Chi phí thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	166.000.000	152.100.000
- Chi phí xử lý công nợ tồn đọng	11.548.551	-
- Chi phí không hợp lệ khác	24.545.670	316.443.314
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	109.520.240.749	74.483.226.129
- Thu nhập từ ngành nước	107.840.580.791	72.696.428.032
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.679.659.958	1.786.798.097
Tổng thu nhập tính thuế	109.520.240.749	74.483.226.129
- Thu nhập từ ngành nước	107.840.580.791	72.696.428.032
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.679.659.958	1.786.798.097
Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ	-	-
Thu nhập tính thuế trừ đi phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ	109.520.240.749	74.483.226.129
- Thu nhập từ ngành nước	107.840.580.791	72.696.428.032
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.679.659.958	1.786.798.097
Thuế TNDN tính theo thuế suất hiện hành	11.119.990.071	7.627.002.422
- Thu nhập từ ngành nước (10%)	10.784.058.079	7.269.642.803
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác (20%)	335.931.992	357.359.619

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	11.119.990.071	7.627.002.422
------------------------------------	-----------------------	----------------------

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	11.119.990.071	7.595.358.091
- Thuế TNDN các cá nhân phải bồi thường công ty về các chứng từ không hợp lệ	-	31.644.331

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền lương phải trả	22.500.486.979	29.399.507.369
Cộng	22.500.486.979	29.399.507.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả là các đối tượng khác	10.419.272.296	2.207.585.966
Mua nước từ Nhà máy nước Hòa Liên	9.175.784.400	-
Chi phí tiền điện	-	1.398.000.039
Lãi dự trả	257.018.204	322.312.102
Phí thu hộ tiền nước	435.515.545	259.611.000
Chi phí sử dụng hóa đơn điện tử	-	110.492.980
Chi phí khác	550.954.147	117.169.845
Cộng	10.419.272.296	2.207.585.966

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhận lãi trước	1.269.479.452	-
Cộng	1.269.479.452	-

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	139.402.225.182	146.225.039.594
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.170.997.942	2.899.251.682
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	1.221.614.989	1.221.614.989
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.867.000	-
Các đối tượng khác	1.939.515.953	1.677.636.693
Cộng	142.573.223.124	149.124.291.276

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	72.441.446.164	80.490.446.164
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả khác các đối tượng khác	10.873.781.546	9.874.491.564
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.873.781.546	9.874.491.564
Cộng	83.315.227.710	90.364.937.728

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn sang đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả				
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng (i)	60.483.921.067	30.261.868.999	30.222.052.068	60.444.104.136
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	22.724.800.000	-	11.362.400.000	22.724.800.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (iii)	2.775.704.931	1.407.760.931	1.367.944.000	2.735.888.000
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng (iv)	9.873.820.000	4.936.910.000	4.936.910.000	9.873.820.000
	25.109.596.136	12.554.798.068	12.554.798.068	25.109.596.136
Cộng	60.483.921.067	30.261.868.999	30.222.052.068	60.444.104.136

b. Dài hạn

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn				
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng (i)	445.059.098.803	30.261.868.999	-	414.797.229.804
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	137.142.167.666	11.362.400.000	-	125.779.767.666
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (iii)	12.208.693.536	1.407.760.931	-	10.800.932.605
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng (iv)	75.864.195.924	4.936.910.000	-	70.927.285.924
	219.844.041.677	12.554.798.068	-	207.289.243.609
Cộng	445.059.098.803	30.261.868.999	-	414.797.229.804

Trong đó

- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

60.483.921.067	60.444.104.136
384.575.177.736	354.353.125.668

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐTD ngày 24/10/2018, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 120.000m³/ngày; Phân kỳ I: Nâng công suất thêm 60.000m³/ngày”. Hạn mức vay 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Công trình xây dựng và máy móc thiết bị đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTD ngày 14/01/2019, thực hiện dự án “Nhà máy nước hồ Hòa Trung công suất 10.000m³/ngày. Hạn mức vay 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Hệ thống các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án.
 - Hợp đồng tín dụng số 14/2020/HĐTD ngày 19/08/2020, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ từ 230.000 m³/ngày lên 290.000 m³/ngày”. Hạn mức vay 71.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai của dự án.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2020/257027/HĐTD ngày 16/09/2020 để thực hiện Đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước D500; D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh). Hạn mức vay 24.623.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 9%/năm cố định trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn cá nhân 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai.
- (iii) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 63/2020/VCB-KHDN ngày 03/08/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân). Hạn mức vay 38.112.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 1,8%/năm; Lãi suất đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 2,8%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai.
 - Hợp đồng tín dụng số 93/2020/VCB-KHDN ngày 22/10/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D1000 DI, D800 DI đường Thăng Long (đoạn từ nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tuyên Sơn). Hạn mức vay 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,2%/năm; đối với 2 năm tiếp theo: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,8%/năm; đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 2%/năm, (trong đó lãi suất cơ sở = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng), thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Vay ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-001 ngày 11/12/2020 để thực hiện dự án "Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hòa khánh). Hạn mức vay 136.218.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 4 năm đầu tiên áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,8%/năm, 08 năm tiếp theo áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai.
 - Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-002 ngày 13/12/2021 để thực hiện dự án "Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000m3/ngày đêm lên 420.000m3/ngày đêm". Hạn mức vay 220.206.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,5%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được thực hiện 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2025	01/01/2025		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.308.958.463	6.800.215.100		
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	488.700.000	146.493.465		
Cộng	12.797.658.463	6.946.708.565		
Tình hình biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi:				
	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.800.215.100	13.600.000.000	(8.091.256.637)	12.308.958.463
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	146.493.465	575.100.000	(232.893.465)	488.700.000
Cộng	6.946.708.565	14.175.100.000	(8.324.150.102)	12.797.658.463

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	579.640.610.000	8.993.538.265	117.103.023.611	68.670.940.050	774.408.111.926
Tăng trong kỳ	-	-	10.995.117.081	66.419.324.724	77.414.441.805
Giảm trong kỳ	-	-	-	(83.363.219.477)	(83.363.219.477)
Số dư tại 30/06/2024	579.640.610.000	8.993.538.265	128.098.140.692	51.727.045.297	768.459.334.254
Số dư tại 01/01/2025	579.640.610.000	8.993.538.265	128.098.140.692	60.101.555.466	776.833.844.423
Tăng trong kỳ	-	-	5.030.081.962	98.198.156.457	103.228.238.419
Giảm trong kỳ	-	-	-	(59.780.024.662)	(59.780.024.662)
Số dư tại 30/06/2025	579.640.610.000	8.993.538.265	133.128.222.654	98.519.687.261	820.282.058.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp
Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	60,08	348.242.170.000	60,08	348.242.170.000
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	35,00	202.867.440.000	35,00	202.867.440.000
Các cổ đông khác	4,92	28.531.000.000	4,92	28.531.000.000
Cộng	100,00	579.640.610.000	100,00	579.640.610.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	579.640.610.000	579.640.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	579.640.610.000	579.640.610.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	40.574.842.700	57.964.061.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu phổ thông	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu phổ thông	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	60.101.555.466	68.670.940.050
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	98.198.156.457	66.419.324.724
Phân phối lợi nhuận	59.780.024.662	83.363.219.477
Phân phối lợi nhuận năm trước	59.780.024.662	83.363.219.477
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.600.000.000	13.818.067.534
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành	575.100.000	585.973.863
- Chia cổ tức bằng tiền	40.574.842.700	57.964.061.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	5.030.081.962	10.995.117.081
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	98.519.687.261	51.727.045.297

f. Cổ tức

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, ban hành ngày 18/04/2025, đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 14%, tương đương 81.149.685.400 đồng. Theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị, ngày 10/10/2024, công ty đã tạm ứng đợt 1 cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 7%, tương đương 40.574.842.700 đồng, vào tháng 11/2024. Phần còn lại, với tỷ lệ 7% tương đương 40.574.842.700 đồng, được chi trả vào tháng 05/2025.

23. Tài khoản ngoài bảng

Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
Nợ khó đòi đã xử lý	434.538.615	444.333.718

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu ngành nước	360.571.500.115	307.346.302.027
Doanh thu các hoạt động khác	2.014.782.744	1.835.137.874
Cộng	362.586.282.859	309.181.439.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá vốn ngành nước	207.976.465.226	192.729.018.462
Giá vốn các hoạt động khác	1.618.028.247	1.496.368.606
Cộng	209.594.493.473	194.225.387.068

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.391.565.748	13.148.092.335
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.610.694	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	-	14.735.445
Cộng	11.394.176.442	13.162.827.780

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí lãi vay	12.216.664.546	14.946.959.433
Dự phòng đầu tư vào công ty con	227.794.460	-
Cộng	12.444.459.006	14.946.959.433

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	3.686.569.043	3.096.097.644
Chi phí nhân viên bán hàng	14.459.695.672	13.297.143.021
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	-	22.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.288.069.471	2.286.512.205
Chi phí khác bằng tiền	75.219.808	119.957.102
Cộng	20.509.553.994	18.822.209.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	42.691.771	40.636.686
Chi phí nhân viên quản lý	13.211.985.275	11.998.719.256
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.545.485.852	1.362.445.084
Dự phòng nợ phải thu	53.935.482	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.368.277.091	1.647.024.866
Chi phí khác bằng tiền	7.560.721.338	6.892.153.630
Cộng	23.783.096.809	21.940.979.522

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá dịch vụ thoát nước để lại phục vụ công tác thu	1.642.906.865	1.570.980.699
Thu nhập khác	37.932.195	34.970.484
Cộng	1.680.839.060	1.605.951.183

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Xử lý công nợ tồn đọng	11.548.551	-
Chi phí khác	-	54
Cộng	11.548.551	54

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.131.579.220	28.868.044.487
Chi phí nhân công	63.467.826.689	59.012.179.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.642.883.197	61.576.199.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.247.785.543	49.166.098.691
Chi phí khác bằng tiền	13.023.197.146	10.714.114.321
Cộng	202.513.271.795	209.336.636.470

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.19 và 3.20 khoản 3 điều 113 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên

Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chỉ tiêu này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền trả nợ gốc vay	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	30.261.868.999	31.067.530.068
Cộng	30.261.868.999	31.067.530.068

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	Bên đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	Bên đầu tư
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	Công ty con

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng		
- Chia cổ tức	24.376.951.900	34.824.217.000
- Chi phí sử dụng hạ tầng cấp nước sạch	7.615.547.456	-
- Trả ngân sách về vốn theo QĐ số 8449/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 (*)	8.049.000.000	8.049.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung		
- Chia cổ tức	14.200.720.800	20.286.744.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	3.424.691.672	3.424.691.672
Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn		
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	211.843.671.346	226.715.485.758
- Tài sản nhận bàn giao từ Ngân sách	65.653.761.755	80.092.123.622
- Chênh lệch chi phí nước thô	3.405.703.501	3.405.703.502
- Phải trả ngân sách về vốn (*)	88.539.446.164	96.588.446.164
- Phải nộp tiền sử dụng hạ tầng cấp nước sạch	54.244.759.926	46.629.212.470
	211.843.671.346	226.715.485.758

(*) Công ty CP cấp nước Đà Nẵng phải hoàn trả ngân sách nhà nước một phần vốn đã được đầu tư vào tài sản của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng, theo quyết định số 8449/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tổng số tiền cần trả là 241.470.446.164 đồng, và Công ty sẽ thực hiện việc trả dần trong vòng 15 năm, đến tháng 12/2030. Hằng năm, Công ty sẽ thực hiện thanh toán thành 4 đợt, với mỗi đợt thanh toán là 4.024.500.000 đồng.

d. Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban điều hành

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	403.200.000	-	403.200.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	336.000.000	-	336.000.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	-	42.000.000	42.000.000
6	Tán Thị Miên Thảo	Thành viên BKS	-	17.500.000	17.500.000
7	Thái Quốc Khánh	Cựu Thành viên BKS	-	24.500.000	24.500.000
8	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	378.473.040	-	378.473.040
9	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	333.946.800	-	333.946.800
10	Phan Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	345.078.360	-	345.078.360
11	Lê Đức Quý	Cựu Phó Tổng Giám đốc	178.104.960	-	178.104.960
12	Phạm Hồng Minh	Kế toán trưởng	166.973.400	-	166.973.400
	Tổng cộng		2.141.776.560	204.000.000	2.345.776.560

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	324.000.000	-	324.000.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	50.400.000	50.400.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	50.400.000	50.400.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	270.000.000	-	270.000.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	189.000.000	-	189.000.000
6	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS		39.600.000	39.600.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	306.000.000	-	306.000.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	270.000.000	-	270.000.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	-	288.000.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	270.000.000	-	270.000.000
Tổng cộng			1.917.000.000	140.400.000	2.057.400.000

Cổ tức và các lợi ích khác:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền thưởng Ban QLĐH	84.600.000	-
Cổ tức	25.970.000	-
Cộng	110.570.000	-

2. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ngành nước và trên địa bàn là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Theo Công văn số 3415/UBND-STC của UBND thành phố Đà Nẵng ngày 25/06/2024 về việc điều chỉnh chi phí sử dụng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do ngân sách nhà nước đầu tư, các đơn vị đầu tư giao cho nhà nước quản lý mà Công ty đã tiếp nhận khai thác, sử dụng từ tháng 6/2015 đến 31/12/2023 được phân bổ trong năm 2023 và năm 2024. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh 16.514.316.432 đồng vào chi phí 6 tháng đầu năm 2024, nên nay Công ty điều chỉnh hồi tố cho đúng quy định. Ảnh hưởng số liệu điều chỉnh của các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	
STT	Chỉ tiêu	Mã số	(trước điều chỉnh)	(sau điều chỉnh)	Chênh lệch
I. Báo cáo KQHĐKD					
1.	Giá vốn hàng bán	11	210.739.703.500	194.225.387.068	(16.514.316.432)
2.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	57.500.366.383	74.014.682.815	16.514.316.432
3.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.943.926.448	7.595.358.091	1.651.431.643
4.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	51.556.439.935	66.419.324.724	14.862.884.789
II. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	57.500.366.383	74.014.682.815	16.514.316.432
2.	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(19.619.585.323)	(36.133.901.755)	(16.514.316.432)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG MINH

Tổng Giám đốc



HỒ MINH NAM

